

Số: /TB-HĐTHI

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

THÔNG BÁO

Lịch thi và danh sách phòng thi kỳ thi đánh giá năng lực Ngoại ngữ
theo chuẩn đầu ra - đợt thi ngày 07 tháng 5 năm 2022

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Môn thi/ Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Thứ Bảy 07/5/2022	Sáng	Tiếng Anh bậc 2 (A2) - Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng Lab 1 TT Ngoại ngữ, Tin học (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 70 phút	7h00'
			02	Phòng Lab 2 TT Ngoại ngữ, Tin học (tầng 3, Nhà B1)	- Nghe: 30 phút	
		Tiếng Anh bậc 3 (B1) - Đọc - Viết - Nghe	03	Phòng học lý thuyết 01 TT Ngoại ngữ, Tin học (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc: 45 phút - Viết: 45 phút - Nghe: 30 phút	
			04	Phòng máy tính 02 (tầng 2, Nhà B1)	- Đọc: 25 phút - Nghe: 30 phút	
	Chiều	Tiếng Anh bậc 2 (A2) (Nói)	01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01; TT Ngoại ngữ, Tin học (tầng 3, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng Lab 2 TT Ngoại ngữ, Tin học (tầng 3, Nhà B1)	- Chuẩn bị: 5 phút - Hội thoại: 8-10 phút	10h15'
			02			13h45'
		Tiếng Anh bậc 3 (B1) (Nói)	03		- Chuẩn bị: 5 phút - Hội thoại: 10-12 phút	14h45'

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN Thứ Bảy ngày 07/5/2022	CHỦ TRÌ
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	7:30 - 7:45	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui thi	7:45 - 7:50	Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	7:50 - 8:00	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	8:00 - 8:05	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	8:05 - 8:15	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	Tiếng Anh bậc 2 (A2): 8:15 (Đọc và Viết) 9:25 (Nghe) 10:15 (Nói) Tiếng Anh bậc 3 (B1): 8:15 (Đọc) 9:00 (Viết) 9:45 (Nghe) 15:00 (Nói) Tiếng Trung bậc 2 (HSK2): 8:15 (Đọc) 8:40 (Nghe)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	Tiếng Anh A2 (9:55) Tiếng Anh B1 (10:15) Tiếng Trung HSK 2 (9:10)	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- HĐTHI; Thí sinh (t/h);
- Lưu: VT, NNTH.

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Mai Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (A2)

PHÒNG THI: 01

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
1	TA01	Đỗ Thị Lan Anh	24/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0439	10h30'-10h40'
2	TA02	Nguyễn Thị Cúc Anh	09/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0440	
3	TA03	Nguyễn Thúy Cải	01/07/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0400	10h30'-10h40'
4	TA04	Nguyễn Đình Cương	28/02/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0360	
5	TA05	Dương Việt Cường	01/09/2001	Hà Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0586	10h40'-10h50'
6	TA06	Giáp Kiên Cường	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0525	
7	TA07	Trần Khương Duy	01/06/2001	Phú Thọ	Nam	D-THUY9A	19DTY0590	10h40'-10h50'
8	TA08	Nguyễn Văn Dũng	28/03/1996	Lạng Sơn	Nam	D-THUY4C	14DTY0227	
9	TA09	Đặng Tiến Dũng	20/02/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0372	10h50'-11h00'
10	TA10	Tổng Thùy Dương	19/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0444	
11	TA11	Phạm Văn Đăng	28/06/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0445	10h50'-11h00'
12	TA12	Trần Văn Đạo	06/08/2000	Gia Lai	Nam	D-THUY9A	19DTY0587	
13	TA13	Nguyễn Trọng Đoàn	05/12/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0591	11h00'-11h10'
14	TA14	Ong Xuân Đức	02/10/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0361	
15	TA15	Hoàng Đức Giang	03/01/2001	Bắc Giang	Nam	D- CNTP9A	19DCNTP0165	11h00'-11h10'
16	TA16	Phan Thị Hà	19/05/2001	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP9A	19DCNTP0166	
17	TA17	Vũ Hải Hà	21/10/1998	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN8A	18DQLDD0469	11h10'-11h20'
18	TA18	Nguyễn Ngọc Hải	05/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0363	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
19	TA19	Bùi Thục Hiền	01/06/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0446	11h10'-11h20'
20	TA20	Cao Văn Hiệp	05/11/2001	Tuyên Quang	Nam	D-THUY9A	19DTY0593	
21	TA21	Ngô Văn Hiệp	05/03/1995	Bắc Giang	Nam	D-QLTN4A	14DQLTN0180	11h20'-11h30'
22	TA22	Đặng Vũ Hiệp	25/09/1999	Nam Định	Nam	D-THUY7A	17DTY0536	
23	TA23	Ngô Sỹ Hiếu	03/10/1999	Bắc Ninh	Nam	D- CNTP7A	17DCNTP0146	11h20'-11h30'
24	TA24	Nguyễn Xuân Hiếu	13/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0147	

Danh sách phòng 01 gồm 24 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (A2)

PHÒNG THI: 02

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
1	TA25	Lê Huy	Hoàng	20/08/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0447	14h00'-14h10'
2	TA26	Tạ Văn	Hoàng	08/04/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0595	
3	TA27	Nguyễn Văn	Hội	06/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0596	14h00'-14h10'
4	TA28	Lê Duy	Hưng	28/10/2001	Phú Thọ	Nam	D-THUY9A	19DTY0597	
5	TA29	Dương Thị Quỳnh	Hương	12/02/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0451	14h10'-14h20'
6	TA30	Nguyễn Thị Hồng	Lê	21/03/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0454	
7	TA31	Dương Thị Hương	Ly	17/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0455	14h10'-14h20'
8	TA32	Lê Thị Trà	My	17/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0457	
9	TA33	Hoàng Văn	Nam	17/10/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0600	14h20'-14h30'
10	TA34	Đoàn Quý	Nhân	04/05/1998	Yên Bái	Nam	D-THUY6B	16DTY0491	
11	TA35	Nguyễn Thu	Phương	24/10/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0459	14h20'-14h30'
12	TA36	Nguyễn Văn	Quý	28/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0365	
13	TA37	Trịnh Quốc	Sáng	10/01/1999	Nghệ An	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0369	14h30'-14h40'
14	TA38	Lê Công	Son	09/01/1999	Thanh Hóa	Nam	D-THUY 7A	17DTY0554	
15	TA39	Nguyễn Trọng	Sửu	26/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-CNTP5A	15DCNTP0124	14h30'-14h40'
16	TA40	Nguyễn Xuân	Thắm	05/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0498	
17	TA41	Hà Văn	Thọ	30/07/2000	Kon Tum	Nam	D- THUY8A	18DTY0580	14h40'-14h50'
18	TA42	Nông Quốc	Trí	05/02/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0605	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
19	TA43	Phạm Văn Trường	16/01/2001	Ninh Bình	Nam	D-THUY9A	19DTY0606	14h40'-14h50'
20	TA44	Bùi Minh Tuấn	03/01/2000	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN 8A	18DQLTN0379	
21	TA45	Đỗ Trọng Tuấn	03/05/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0607	14h50'-15h00'
22	TA46	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0468	
23	TA47	Nguyễn Đức Việt	01/03/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0469	14h50'-15h00'
24	TA48	Thân Văn Vinh	15/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLĐĐ7A	17DQLDD0468	

Danh sách phòng 02 gồm 24 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1)

PHÒNG THI: 03

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
1	TA49	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	27/08/2002	Bắc Ninh	Nữ	QLDD10A	20D0469QLD	15h20'-15h30'
2	TA50	Ngô Văn Chiến	21/11/2002	Bắc Giang	Nam	QLDD10A	20D0470QLD	
3	TA51	Nguyễn Tiến Chung	25/02/2002	Bắc Giang	Nam	DTY10A	20D0610THY	15h20'-15h30'
4	TA52	Nguyễn Đức Đăng	16/08/2002	Bắc Giang	Nam	QLDD10A	20D0471QLD	
5	TA53	Nguyễn Thị Hoài	18/02/2002	Bắc Giang	Nữ	DTY10A	20D0615THY	15h30'-15h40'
6	TA54	Vũ Duy Hùng	25/10/1994	Bắc Ninh	Nam	QLDD10A	14DQLTN0310	
7	TA55	Trần Tuấn Hưng	22/12/2002	Nam Định	Nam	DTY10A	20D0616THY	15h30'-15h40'
8	TA56	Linh Ngọc Khanh	19/02/2001	Lạng Sơn	Nam	QLDD10A	20D0474QLD	
9	TA57	Lê Văn Kiên	30/08/2002	Bắc Giang	Nam	DCN10A	20D0056CNU	15h40'-15h50'
10	TA58	Nguyễn Xuân Kiên	07/02/1998	Bắc Ninh	Nam	DCN10A	20D0057CNU	
11	TA59	Phạm Quỳnh Nga	01/09/2002	Bắc Giang	Nữ	DTY10A	20D0618THY	15h40'-15h50'
12	TA60	Nguyễn Văn Ngọc	06/05/2002	Bắc Giang	Nam	DTY10A	20D0619THY	
13	TA61	Nguyễn Thế Nguyên	31/05/2002	Hà Nội	Nam	DCN10A	20D0058CNU	15h50'-16h00'
14	TA62	Ngô Văn Sơn	29/12/2002	Bắc Giang	Nam	DTY10A	20D0620THY	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Ghi chú (Giờ thi Nói)
15	TA63	Văn Đình Tâm	16/04/2002	Nghệ An	Nam	DTY10A	20D0621THY	15h50'-16h00'
16	TA64	Ngô Đức Thắng	19/01/1999	Bắc Giang	Nam	DCN10A	20D0060CNU	
17	TA65	Nguyễn Tiến Thịnh	17/02/2002	Bắc Giang	Nam	DCN10A	20D0061CNU	16h00'-16h10'
18	TA66	Điền Thu Trúc	11/10/2002	Yên Bái	Nam	DTY10A	20D0623THY	
19	TA67	Trần Xuân Trường	07/07/2002	Bắc Ninh	Nam	QLDD10A	20D0474QLD	16h00'-16h10'
20	TA68	Nguyễn Văn Tởng	14/11/2000	Hải Dương	Nam	DCN10A	20D0062CNU	
21	TA69	Thân Văn Vinh	03/03/2002	Bắc Giang	Nam	DTY10A	20D0624THY	16h10'-16h20'

Danh sách phòng 03 gồm 21 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc tương đương bậc 2 (HSK2)

PHÒNG THI: 04

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên
1	TQ01	Đặng Kim	Anh	15/02/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0437
2	TQ02	Đào Thị Tú	Anh	16/03/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0435
3	TQ03	Hoàng Thị	Bình	27/06/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0441
4	TQ04	Hoàng Văn	Dũng	19/08/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0443
5	TQ05	Nguyễn Thị Phương	Huệ	17/12/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0448
6	TQ06	Nguyễn Thị	Hương	20/01/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0450
7	TQ07	Trần Thị Hồng	Nhung	31/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0458
8	TQ08	Bế Văn	Thành	09/12/1996	Lạng Sơn	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0462
9	TQ09	Nguyễn Văn	Thịnh	01/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0464
10	TQ10	Đỗ Thị Kim	Thoa	13/01/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0465

Danh sách phòng 04 gồm 10 thí sinh./.